

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện chủ trương của HĐND tỉnh, UBND tỉnh về việc xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, giai đoạn 2026 – 2030. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đánh giá thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong 04 năm (2022 - 2025), với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách

- Ngay sau khi Nghị quyết 18 được ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tích cực phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí như Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An..., các tổ chức chính trị xã hội như UBMT Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Tỉnh đoàn... tuyên truyền, phổ biến các nội dung chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đến với mọi người dân, doanh nghiệp, HTX, các thành viên...;

- Sở đã giao Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở đưa nội dung tập huấn, tuyên truyền phổ biến các chính sách đến tận người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã... để mọi người hiểu và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh, trong đó trọng tâm là các chính sách theo Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND... Đồng thời tích cực tham mưu cho UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành nhiều văn bản đề triển khai thực hiện, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, đảm bảo các chính sách thực sự đi vào cuộc sống.

2. Các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành một số văn bản chủ yếu như sau:

- Công văn số 1007/UBND-NN ngày 18/02/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, trong đó đề nghị các tổ chức chính trị xã hội các cấp phối hợp tuyên truyền phổ biến các nội dung chính sách đến mọi tầng lớp nhân dân, các hội viên, đoàn viên, các đối tượng thụ hưởng chính sách biết và thực hiện; đồng thời giao trách nhiệm cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các

huyện, thành phố thị xã triển khai, hướng dẫn thực hiện các nội dung chính sách đến mọi người dân, đối tượng thụ hưởng...

- Các Quyết định của UBND tỉnh: Số 5068/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, số 4089/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, số 4189/QĐ-UBND ngày 15/12/2023, số 3468/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, 2023, 2024, 2025; số 875/QĐ-UBND ngày 06/4/2022; số 3572/QĐ-UBND ngày 14/11/2022, số 3967/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, số 3737/QĐ-UBND ngày 16/11/2023, số 3968/QĐ-UBND ngày 01/12/2023, số 2511/QĐ-UBND ngày 25/9/2024, số 2946/QĐ-UBND ngày 01/11/2024... về điều chỉnh, bổ sung, giải quyết kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn cho các địa phương, đơn vị...

- Công văn số 4853/SNN-KHTC ngày 23/12/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND; các văn bản về xây dựng dự toán kinh phí, đề nghị thông báo giá... thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn hàng năm của Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính...

- Các văn bản triển khai, đăng ký kế hoạch, xây dựng dự toán, bổ sung dự toán thực hiện các nội dung chính sách hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và của các Chi cục: Thủy sản và Kiểm ngư, Chăn nuôi và Thú y, Kinh tế hợp tác và PTNT...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022. Nghị quyết đã được triển khai kịp thời ngay từ 01/01/2022. Đến nay, các nội dung chính sách theo Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND cơ bản đang được triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, đúng quy định. Cụ thể tình hình thực hiện các nội dung chính sách theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh năm 2022 như sau:

1. Chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt

1.1. Cây chè, cây ăn quả (cam quýt, bưởi, chanh, dứa, chuối)

a) Đối với cây chè

Việc hỗ trợ trồng chè (trợ giá giống và hỗ trợ làm đất) đã khuyến khích và tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt ở các huyện Con Công, Anh Sơn, Thanh Chương, Quỳnh Hợp... mở rộng diện tích chè, tạo vùng nguyên liệu chè tập trung phục vụ chế biến, xuất khẩu. Nhờ có chính sách, người dân mạnh dạn đầu tư trồng mới và cải tạo diện tích chè, qua đó góp phần nâng sản lượng chè búp tươi và chè khô chế biến. Các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất chè (năm 2024 đạt trên 143 tạ/ha), sản lượng mỗi năm toàn tỉnh đạt trên 91.000 tấn chè búp tươi, chế biến trên 13.000 tấn chè khô các loại.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 17.672 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 7.868 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 3.323 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 5.220 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.275 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 3.150 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.204 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 2.228 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Những năm đầu (2022–2023) chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều chuỗi cung ứng bị đứt gãy, giá chè nguyên liệu giảm mạnh, dẫn đến người dân không mặn mà trồng mới hoặc mở rộng diện tích; việc tiêu thụ chè ở một số địa phương vẫn phụ thuộc thị trường nội địa, chưa có liên kết ổn định với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu; một số đơn vị, địa phương không thực hiện đúng kế hoạch hoặc chưa đảm bảo điều kiện nhận hỗ trợ theo quy định.

Nhìn chung, chính sách trồng chè có tác động tích cực đến người dân miền núi và các địa phương vùng nguyên liệu, tuy nhiên cần có thêm cơ chế liên kết đầu ra, thúc đẩy hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

b) Hỗ trợ phát triển cây ăn quả (Cam, quýt, bưởi, chanh, dứa, chuối)

Sau 4 năm triển khai, chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả đã từng bước phát huy hiệu quả, góp phần hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung tại nhiều địa phương như Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Yên Thành... Các loại cây như bưởi, chanh, dứa tiếp tục được người dân mở rộng diện tích sản xuất nhờ sự hỗ trợ tích cực từ chính sách của tỉnh.

Riêng cây cam gặp nhiều khó khăn do sâu bệnh, đặc biệt là bệnh greening phát sinh gây hại nghiêm trọng tại các huyện như Quỳnh Hợp, Con Cuông, Nghĩa Đàn..., buộc người dân phải phá bỏ một phần lớn diện tích cây cam và luân canh sang các loại cây khác. Diện tích trồng cam toàn tỉnh giảm mạnh từ 5.200 ha xuống còn khoảng 2.041 ha vào năm 2024, diện tích trồng mới rất hạn chế.

Cây bưởi, đặc biệt là các giống bưởi có giá trị cao như bưởi da xanh, bưởi Hồng Quang Tiến, bưởi Diễn... tiếp tục khẳng định được hiệu quả tại nhiều vùng trồng. Cây chanh được người dân các huyện Nam Đàn, Nghĩa Đàn... đưa vào trồng tập trung, hình thành vùng nguyên liệu cho chế biến. Cây dứa phát triển mạnh ở các địa phương như Quỳnh Lưu, Yên Thành..., có liên kết ổn định với Nhà máy chế biến. Cây quýt vẫn giữ được năng suất cao, tuy nhiên do giá cả thị trường bấp bênh nên người dân chưa mạnh dạn mở rộng diện tích. Cây chuối tiếp tục được duy trì tại các huyện Tân Kỳ, Quế Phong với quy mô nhỏ.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 18.892 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 3.450 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.323 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 4.937 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 3.272 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 5.456 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 4.071 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 5.049 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Một số địa phương có kết quả giải ngân cao là Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn. Đặc biệt, huyện Quỳnh Lưu đã triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ trồng mới dứa phủ nilon, tạo vùng nguyên liệu lớn liên kết tiêu thụ ổn định với nhà máy chế biến. Ngược lại, các địa phương như Con Cuông, Thanh Chương, Anh Sơn... giải ngân thấp do ảnh hưởng dịch bệnh trên cây có múi và người dân chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả đã góp phần nâng cao nhận thức và tạo điều kiện cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, cần chú trọng hỗ trợ giống sạch bệnh, thúc đẩy liên kết tiêu thụ, và có hướng dẫn kỹ thuật đồng bộ trong thâm canh cây ăn quả.

1.2. Giống cây trồng mới có năng suất cao chất lượng tốt

Chính sách hỗ trợ giống cây trồng mới tiếp tục được triển khai tại nhiều địa phương nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu giống, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, sâu bệnh và thị trường tiêu thụ. Trong đó, nội dung hỗ trợ tập trung vào hai nhóm chính: giống lúa thuần mới và giống mía mới.

- Giống lúa thuần mới, năng suất cao, chất lượng tốt: Các giống như SL9 (LTh31), Hương thuần 8, TBR225... được đưa vào sản xuất rộng rãi tại các huyện có diện tích lúa lớn. Các giống này cho năng suất cao, chất lượng gạo ngon, thời gian sinh trưởng ngắn và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với yêu cầu thị trường và tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Giống mía mới: Chính sách đã góp phần thúc đẩy liên kết giữa nông dân với các nhà máy đường như Sông Con, Sông Lam... trong việc sử dụng giống mía năng suất cao, rút ngắn chu kỳ trồng, thời gian lưu gốc dài, tăng khả năng chống chịu và nâng cao chất lượng nguyên liệu.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 38.313 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 5.902 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 4.638 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 11.732 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 10.353 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 11.433 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 9.610 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 9.247 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 90%, cho thấy đây là một trong những nội dung có hiệu quả triển khai cao nhất trong nhóm chính sách phát triển trồng trọt.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao được đánh giá là thiết thực, phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành trồng trọt, cần tiếp tục được duy trì và mở rộng, đặc biệt là trong bối cảnh yêu cầu về chất lượng nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu ngày càng cao.

1.3. Xây dựng nhà lưới (màng) để sản xuất rau, củ quả

Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà lưới, nhà màng phục vụ sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao đã và đang được triển khai tại các địa phương có điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao như Quỳnh Lưu, Quỳnh Hợp, Yên Thành, Nghĩa Đàn, Nam Đàn... Nhờ chính sách này, các hộ dân, tổ hợp tác, hợp tác xã có điều kiện đầu tư hệ thống che phủ, tưới tự động, cải thiện điều kiện canh tác và nâng cao chất lượng nông sản.

Tuy nhiên, việc triển khai nội dung này còn chậm và chưa đồng đều giữa các địa phương, do yêu cầu vốn đối ứng lớn, phụ thuộc vào khả năng liên kết tiêu thụ sản phẩm, và thiếu cán bộ kỹ thuật chuyên sâu tại cơ sở.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 10.778 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 3.540 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 2.205 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 3.008 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.309 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 2.500 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 360 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 1.730 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 43%, thấp hơn đáng kể so với các chính sách trồng trọt khác.

Một số địa phương triển khai tương đối hiệu quả: Quỳnh Lưu: Thực hiện tốt trong cả 3 năm, đặc biệt năm 2022 giải ngân đạt 375 triệu đồng; Nghĩa Đàn,

Quỳ Hợp, Thanh Chương, Yên Thành: Duy trì thực hiện liên tục, mặc dù quy mô chưa lớn.

Nguyên nhân giải ngân chậm: Một số hộ dân không đủ khả năng đối ứng hoặc chưa có đầu ra ổn định nên ngại đầu tư; Mô hình nhà màng, nhà lưới đòi hỏi trình độ quản lý kỹ thuật và nguồn vốn lớn, không phù hợp với nông hộ nhỏ lẻ. Để chính sách này phát huy hiệu quả, cần tiếp tục hỗ trợ về kỹ thuật, xây dựng mô hình mẫu cho các vùng trọng điểm và đặc biệt là gắn hỗ trợ xây dựng nhà lưới với chuỗi sản xuất – tiêu thụ bền vững, từ đó thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

1.4. Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh và chế phẩm vi sinh

Chính sách hỗ trợ sản xuất và sử dụng phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm vi sinh tiếp tục phát huy hiệu quả, được triển khai tập trung thông qua các đơn vị chuyên môn cấp tỉnh có đủ điều kiện kỹ thuật, trang thiết bị và nhân lực như Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và Trung tâm Giống cây trồng.

Nội dung này mang lại nhiều tác động tích cực cho sản xuất nông nghiệp, nhất là trong xử lý chất thải chăn nuôi, cải tạo đất bạc màu, giảm sử dụng phân hóa học, đồng thời góp phần nâng cao tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 28.500 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 4.500 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 4.500 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 5.700 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 5.369 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 10.400 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 10.400 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 7.900 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Chính sách này được đánh giá là thiết thực và hiệu quả cao, có tác động lan tỏa trong việc thay đổi tập quán canh tác của nông dân theo hướng hữu cơ – an toàn – bền vững. Các chế phẩm vi sinh đã được đưa đến tận xã, bản, nhất là tại các huyện miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong khâu hướng dẫn sử dụng, đào tạo kỹ thuật, đồng thời tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực để mở rộng phạm vi áp dụng tại các vùng chuyên canh, chăn nuôi tập trung, khu vực nhạy cảm về môi trường.

1.5. Cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm

Đây là nội dung mới nhằm hỗ trợ một phần kinh phí để phục tráng, bảo tồn, phát triển cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng đối với các loại cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm có giá trị đặc sản, truyền thống tại các địa phương.

Tuy nhiên, do yêu cầu về tiêu chí, hồ sơ kỹ thuật và đặc thù của đối tượng hỗ trợ nên việc triển khai còn rất hạn chế, trong 04 năm triển khai chính sách nhưng không thành công, các đơn vị được bố trí kinh phí nhưng không giải ngân. Nguyên nhân do các địa phương được giao kinh phí chưa hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, một số đề xuất chưa đáp ứng tiêu chí kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng, thiếu nguồn lực chuyên môn để thực hiện điều tra, đánh giá và lập hồ sơ khoa học tại cơ sở.

Nhìn chung, nội dung này tuy mới và có tính chuyên sâu, nếu được triển khai tốt sẽ góp phần bảo tồn nguồn gen bản địa quý, phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng thương hiệu nông sản đặc sản của tỉnh. Tuy nhiên, đối tượng thực hiện chính sách không đáng kể, manh mún.

Đánh giá chung về chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt:

Chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND được triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh từ năm 2022 đến nay, bước đầu phát huy hiệu quả tích cực trong việc cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng.

Nhiều nội dung chính sách phù hợp với nhu cầu thực tế sản xuất của người dân như: hỗ trợ giống lúa thuần mới, giống mía mới; sản xuất phân hữu cơ vi sinh và chế phẩm vi sinh; phát triển cây ăn quả, cây chè... Từ đó góp phần hình thành và mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh, liên kết, sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, an toàn sinh học.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt đã góp phần tích cực trong thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, nhất là ở các vùng sản xuất tập trung, có liên kết thị trường.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi thú y

Chính sách hỗ trợ chăn nuôi và thú y tiếp tục được triển khai ổn định trong 3 năm qua, góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển theo hướng bền vững, an toàn dịch bệnh và nâng cao chất lượng giống vật nuôi.

2.1. Lợn đực giống ngoại

Nội dung này được Trung tâm Giống chăn nuôi thực hiện với mục tiêu cung cấp nguồn giống đực ngoại chất lượng cao phục vụ phối giống nhân tạo. Tuy nhiên, nhu cầu ngày càng giảm do nhiều địa phương đã chủ động được nguồn giống tại chỗ.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 1.120 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 320 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 320 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 320 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 320 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 320 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 142,5 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 160 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

2.2. Tạo giống bò, cải tiến giống trâu

Đây là nội dung có quy mô lớn nhất trong nhóm chăn nuôi và được triển khai hiệu quả tại nhiều huyện miền núi. Việc phối giống nhân tạo bằng tinh bò BBB, Brahman hoặc cải tạo trâu nội giúp nâng cao chất lượng đàn gia súc, tăng giá trị thịt hơi, góp phần thay đổi cơ cấu vật nuôi theo hướng hàng hóa.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 26.713 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 5.950 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 4.998 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 7.100 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 5.916 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 7.663 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 7.963 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 6.000 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Chính sách này đã thực sự đem lại hiệu quả cao, tạo điều kiện cho chăn nuôi đại gia súc phát triển, nâng cao chất lượng đàn trâu, bò của tỉnh... Nghệ An hiện là tỉnh có đàn trâu, bò lớn nhất cả nước gần 800.000 con, trong đó, đàn bò lai chiếm trên 48% tổng đàn bò cả tỉnh. Chương trình sinh hóa đàn bò thực hiện thành công, có hiệu quả; Nhiều giống bò thịt chất lượng cao được đưa vào lai tạo, nuôi ở Nghệ An, tăng giá trị sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa có bước phát triển mạnh, đến nay đàn bò, bê sữa cả tỉnh đạt trên 80.000 con, sản lượng sữa đạt trên 285 nghìn tấn/năm.

2.3. Tiêm phòng gia súc, gia cầm

Chính sách này gồm 2 hợp phần: Hỗ trợ tiêm phòng gia súc đối với các xã miền núi khu vực III và khu vực II (dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng, viêm da nổi cục...) và hỗ trợ gia súc gia cầm bị chết do phản ứng tiêm phòng vacxin.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 15.650 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 2.750 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 2.692 triệu đồng;

- Năm 2023: ngân sách bố trí 3.100 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 3.095 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 4.600 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 4.597 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 5.200 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Nội dung này có tỷ lệ giải ngân rất cao và được đánh giá là đặc biệt quan trọng, giúp tỉnh khống chế hiệu quả các đợt dịch lớn xảy ra trên đàn lợn và gia cầm thời gian qua.

Đồng bào miền núi điều kiện kinh tế khó khăn, tập quán chăn nuôi lạc hậu, chủ yếu thả rông trâu, bò... Thông qua chính sách hỗ trợ công tác thú y, nhất là vắc xin tiêm phòng gia súc khu vực miền núi theo Nghị quyết 18 của tỉnh, kết hợp với một số chương trình, dự án như: Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi..., tỷ lệ tiêm phòng đàn gia súc đạt khá, góp phần hạn chế thấp nhất dịch bệnh xảy ra, giúp người chăn nuôi ổn định sản xuất, góp phần phát triển kinh tế.

2.4. Chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi lợn, gà

Chính sách này thật sự cần thiết và phù hợp với nhu cầu và định hướng chăn nuôi an toàn, sinh học, nhất là đối với hầu hết tất cả các trang trại chăn nuôi hiện nay. Tuy nhiên, do gặp một số khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục trong việc giải ngân nguồn kinh phí hỗ trợ. Để tiếp tục đưa chính sách đi vào cuộc sống, cần có quy định phù hợp về hình thức hỗ trợ và trình tự, hồ sơ thủ tục.

Đánh giá chung về chính sách hỗ trợ chăn nuôi thú y:

Chính sách hỗ trợ chăn nuôi và thú y được thực hiện tương đối hiệu quả, đặc biệt ở các nội dung cải tiến giống và phòng chống dịch bệnh. Các địa phương và đơn vị triển khai có nhiều nỗ lực, công tác hướng dẫn, tổ chức tiêm phòng, phối tinh nhân tạo được thực hiện bài bản, đúng quy trình chuyên môn.

Tuy nhiên, một số nội dung như hỗ trợ chế phẩm vi sinh chưa thực hiện được do rào vướng mắc về hồ sơ thủ tục. Thời gian tới, cần rà soát, điều chỉnh hồ sơ thủ tục thực hiện để tăng tính khả thi, hiệu quả, để chính sách tiếp tục đi vào cuộc sống.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp

Chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp nhằm thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, rừng bản địa và tăng cường quản lý, bảo vệ rừng bền vững tiếp tục được triển khai trong giai đoạn 2022–2025. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm, tỷ lệ giải ngân thấp do quy trình triển khai phức tạp, điều kiện thực hiện cao và phụ thuộc nhiều vào kế hoạch giao đất, giao rừng cũng như khả năng huy động vốn đối ứng từ các đơn vị.

3.1. Trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng bằng cây bản địa

Mục tiêu của chính sách là khuyến khích người dân chuyển mạnh trồng rừng truyền thống, khai thác gỗ non làm nguyên liệu giấy, giá trị thấp sang trồng rừng khai thác gỗ lớn có giá trị cao hơn và mở rộng diện tích trồng rừng bằng cây bản địa như lim xanh, sao đen, xoan, lát hoa... có giá trị cao, thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành lâm nghiệp.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 6.478 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 4.100 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 300 triệu đồng;

- Năm 2023: ngân sách bố trí 1.000 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 705,5 triệu đồng;

- Năm 2024: ngân sách bố trí 828 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 134 triệu đồng;

- Năm 2025: ngân sách bố trí 500 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Tỷ lệ giải ngân nguồn kinh phí thực hiện chính sách khá thấp, nguyên nhân chủ yếu do:

- Đời sống của người dân còn nhiều khó khăn, trong khi suất đầu tư cho 01 ha trồng rừng gỗ lớn là rất cao; những năm gần đây xuất hiện xu hướng trồng rừng nguyên liệu (keo) theo hình thức trồng mật độ cao, thu hoạch nhanh, thu hồi vốn đầu tư sớm, trong khi nếu nhận trồng rừng gỗ lớn theo chính sách của tỉnh phải đảm bảo thời gian thu hoạch tối thiểu từ 7 - 10 năm tùy loại cây, trong thời gian đó phải hứng chịu nhiều rủi ro như bão, lốc... gây thiệt hại, nên người dân chưa mặn mà. Việc tuyên truyền, vận động người dân trồng rừng gỗ lớn rất khó khăn.

- Theo Quyết định số 2962/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với loài cây keo lai và keo tai tượng: trong đó một số quy định về giống chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất, cũng gây khó khăn đối với các đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ triển khai chính sách hỗ trợ bằng vốn ngân sách.

3.2. Kinh phí xây dựng hồ sơ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững được các địa phương đơn vị, các chủ rừng rất quan tâm. Chính sách hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với mục tiêu nâng cao giá trị rừng thông qua chứng nhận quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 6.500 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: là năm đầu thực hiện chính sách nên chưa có đối tượng đăng ký;

- Năm 2023: ngân sách bố trí 3.000 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 3.000 triệu đồng;
- Năm 2024: ngân sách bố trí 1.500 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.500 triệu đồng;
- Năm 2025: ngân sách bố trí 2.000 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

Tỷ lệ giải ngân 100%, là một trong số ít nội dung của nhóm chính sách lâm nghiệp có tiến độ thực hiện tốt, hiệu quả cao.

Đánh giá chung về chính sách phát triển lâm nghiệp: Tổng thể, chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp đã được tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực, tuy nhiên tiến độ triển khai thực tế còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Một số nội dung như trồng rừng gỗ lớn, rừng bản địa chưa thu hút được đơn vị tham gia mạnh do yêu cầu kỹ thuật, vốn đối ứng. Trong khi đó, nội dung hỗ trợ xây dựng hồ sơ FSC lại được triển khai tốt, đúng kế hoạch.

4. Chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản

4.1. Nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng

Nuôi theo công nghệ mới đạt hiệu quả cao, giảm thiểu dịch bệnh, tăng năng suất, sản lượng, người nuôi dễ chăm sóc quản lý đồng thời có thể nuôi được nhiều vụ/năm (do nuôi theo nhiều giai đoạn), đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng thu nhập cho người nuôi. Đối với hình thức nuôi truyền thống năng suất bình quân chỉ đạt 4 tấn/ha tuy nhiên nuôi theo công nghệ mới thì năng suất bình quân lên đến 10 tấn/ha, có mô hình đạt 15-30 tấn/ha.

Số lượng cơ sở áp dụng công nghệ mới nuôi theo nhiều giai đoạn tăng lên trước đây khi chưa có chính sách hỗ trợ chỉ có 15 cơ sở tuy nhiên đến nay, trên địa bàn đã có 97 cơ sở áp dụng mô hình nuôi tôm nhiều giai đoạn với diện tích 186,10 ha (trong đó có 34 cơ sở nuôi tôm trong lồng nổi với 61,42 ha) làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Chính sách nêu trên tạo điều kiện, khuyến khích các hộ nuôi đầu tư cơ sở hạ tầng, áp dụng công nghệ mới biofloc vào sản xuất, nhu cầu hỗ trợ theo chính sách là rất cao.

Từ khi Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ban hành đến nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã hỗ trợ cho 16 mô hình, với tổng kinh phí hỗ trợ 3.610 triệu đồng. Trong đó Hoàng Mai: 03 mô hình; Quỳnh Lưu: 09 mô hình; Diễn Châu: 03 mô hình; Nghi Lộc: 01 mô hình.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 5.480 triệu đồng; trong đó:

- Năm 2022: ngân sách bố trí 1.840 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 1.810 triệu đồng;
- Năm 2023: ngân sách bố trí 900 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 900 triệu đồng;

- Năm 2024: ngân sách bố trí 900 triệu đồng, đã thực hiện và quyết toán 900 triệu đồng;

- Năm 2025: ngân sách bố trí 1.840 triệu đồng, hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

4.2. Nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn

Chính sách đã khuyến khích tạo điều kiện cho các hộ, nhất là đồng bào vùng cao phát huy thế mạnh về mặt nước sông, hồ đập lớn thủy điện..., phát triển nghề nuôi cá lồng, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân.

Những năm gần đây, nhất là khi các hồ thủy điện lớn như: Hòa Na, Khe Bô, Bản Vẽ... hoàn thành đưa vào sử dụng, cùng với công nghệ mới trong sản xuất, lắp đặt lồng cá phát triển, người dân tích cực mở rộng diện tích nuôi cá lồng, nhất là trên các địa bàn vùng miền núi như Tương Dương, Quế Phong, Con Cuông, Quỳnh Châu...

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí, giải quyết bổ sung đầy đủ kinh phí cho các địa phương để hỗ trợ kịp thời theo đúng nhu cầu của người dân.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 16.145 triệu đồng; Trong đó:

- Năm 2022: kinh phí bố trí 5.975 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 5.080 triệu đồng;

- Năm 2023: kinh phí bố trí 4.140 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 2.410 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí bố trí 4.270 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 2.370 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí bố trí 1.760 triệu đồng; hiện nay địa phương đang triển khai thực hiện.

4.3. Hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản

a) Hỗ trợ máy thông tin tầm xa cho ngư dân

Chính sách nhằm trang bị thêm cho ngư dân bộ máy thông tin tầm xa, góp phần đảm bảo thông tin trên biển, hạn chế thiệt hại khi có thiên tai, rủi ro xảy ra, tạo điều kiện cho các tàu cá, các tổ hợp tác có thể hỗ trợ nhau khi hoạt động khai thác hải sản trên biển xa. Chính sách được kế thừa từ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND, được thực hiện từ năm 2017 đã đem lại rất nhiều lợi ích cho ngư dân và tiếp tục thực hiện cho giai đoạn 2022 – 2025.

Từ 2022, Chi cục Thủy sản đã triển khai đến các địa phương, đơn vị, người dân có nhu cầu, các huyện đã đăng ký 22 máy thông tin tầm xa. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, một số chuỗi cung ứng bị đứt gãy, nên nhà cung cấp độc quyền là Công ty Thiết bị hàng hải (MECOM) không có loại máy thông

tin tằm xa có tích hợp vệ tinh cung ứng ra thị trường; Chi cục Thủy sản cũng đã tìm những nơi cung ứng máy thông tin tằm xa khác, nhưng không có. Do vậy, từ năm 2022 đến nay, chính sách này không thực hiện được do không có nhà cung ứng máy thông tin tằm xa đảm bảo đủ điều kiện.

b) Hỗ trợ chi phí đầu tư lắp đặt hệ thống tời thủy lực:

Chính sách có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động khai thác thủy sản, giúp người dân ngày càng đầu tư khai thác theo công nghệ hiện đại, việc lắp đặt hệ thống tời thủy lực giúp ngư dân giảm bớt sự nặng nhọc trong công việc, giảm bớt nhân công lao động, nâng cao năng suất và an toàn lao động, nâng cao hiệu quả khai thác.

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 2.788 triệu đồng, Trong đó:

- Năm 2022: là năm đầu hỗ trợ chính sách, tuy nhiên trong điều kiện giá xăng dầu, máy móc thiết bị tăng đột biến, giá thành lắp đặt đã tăng lên 500 – 600 triệu đồng/hệ thống, trong khi khai thác thủy sản gặp nhiều khó khăn: giá dầu tăng, thị trường tiêu thụ khó, nếu tính về hiệu quả kinh tế thì chưa ổn..., nên ngư dân chưa mạnh dạn đầu tư, chưa có đề xuất hỗ trợ.

- Năm 2023: kinh phí đã bố trí 198 triệu đồng, thực hiện giải ngân 198 triệu đồng (hỗ trợ 02 mô hình).

- Năm 2024: kinh phí đã bố trí 1.089,85 triệu đồng, thực hiện giải ngân 1.089,85 triệu đồng (hỗ trợ 11 mô hình).

- Năm 2025: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư đã đề xuất kinh phí 1.500 triệu đồng để hỗ trợ cho 15 mô hình (dự kiến trích từ nguồn phân bổ sau chính sách thủy sản).

c) Bảo vệ quỹ gen, phát triển nguồn lợi thủy sản

Trong những năm qua chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, đặc biệt đối với các huyện miền núi, việc thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản hàng năm nhằm bổ sung nguồn cá giống vào môi trường tự nhiên, tạo điều kiện cho các loài thủy sản sinh trưởng, phát triển, ổn định sinh kế, cải thiện đời sống cộng đồng dân cư, đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động phóng sinh giúp cân bằng môi trường sinh thái, phát triển bền vững ngành thủy sản trên các hồ chứa, hồ đập, hồ thủy điện.

Tạo điều kiện để các địa phương, đơn vị chức năng bảo tồn, phát triển quỹ gen, giống gốc một số giống thủy sản đặc sản, có giá trị cao của địa phương; góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản một cách bền vững.

Mỗi năm, đã thực hiện bố trí cho Trung tâm Giống thủy sản 300 triệu đồng để hỗ trợ bảo tồn quỹ gen một số giống cá như: Rô phi dòng GIFT thuần chủng, giống cá chép thuần chủng...; Bố trí kinh phí cho Chi cục Thủy sản 400 triệu đồng

hỗ trợ giống cá thả xuống hồ thủy điện Hủa Na (Quế Phong) và hồ Khe Gỗ (Nghị Lộc)....

Kinh phí ngân sách tỉnh bố trí để chính sách trong 04 năm 2022 – 2025: 2.760 triệu đồng; Trong đó:

- Năm 2022: kinh phí bố trí 700 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 694,55 triệu đồng;

- Năm 2023: kinh phí bố trí 760 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 341 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí bố trí 800 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 388,44 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí bố trí 500 triệu đồng; hiện nay địa phương đang triển khai thực hiện.

Đánh giá chung về chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản:

Chính sách hỗ trợ thủy sản theo Nghị quyết 18 đã góp phần thúc đẩy phát triển nuôi trồng, khai thác theo hướng hiện đại, bền vững; nhiều mô hình nuôi tôm, nuôi cá lồng được hình thành, năng suất và giá trị sản phẩm tăng lên, đời sống ngư dân và đồng bào miền núi được cải thiện. Tuy vậy, một số nội dung như hỗ trợ máy thông tin tầm xa không triển khai thực hiện được do vướng mắc về nguồn cung, tài thủy lực triển khai chậm do khó khăn về nguồn vốn đối ứng... Thời gian tới cần tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật, vốn và liên kết tiêu thụ để chính sách phát huy hiệu quả cao hơn.

5. Chính sách hỗ trợ sản xuất muối

Chính sách hỗ trợ đưa hệ thống chạt lọc ra giữa sân phơi đã góp phần giảm bớt lao động cực nhọc cho diêm dân, tăng năng suất muối. Việc sử dụng tấm bạt nilon trải ô kết tinh muối đã thu được kết quả tốt, năng suất muối tăng 20 -25%, chất lượng muối tốt hơn.

Từ năm 2022 – 2025, ngân sách tỉnh đã bố trí 6.554 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ cho diêm dân huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu. Trong đó:

- Năm 2022: kinh phí bố trí 2.500 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 2.118 triệu đồng;

- Năm 2023: kinh phí bố trí 1.173,5 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 1.126,4 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí bố trí 1.275 triệu đồng; thực hiện và quyết toán 1.225 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí bố trí 1.606 triệu đồng; hiện nay địa phương đang triển khai thực hiện.

6. Chính sách hỗ trợ tưới cho cây công nghiệp, cây ăn quả và cỏ làm thức ăn chăn nuôi

Trong điều kiện ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, thời tiết diễn biến phức tạp, theo hướng cực đoan, nắng nóng, khô hạn khốc liệt kéo dài... việc đầu tư hệ thống tưới cho các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng cỏ tập trung là vấn đề cấp thiết. Nhu cầu xây dựng hệ thống tưới cho cây trồng cạn, nhất là tưới cho cây chè... của người dân ngày càng tăng cao. Chính sách này tiếp tục phát huy hiệu quả, giúp người dân có điều kiện đầu tư xây dựng hệ thống tưới chủ động, vượt qua những đợt nắng hạn gay gắt kéo dài, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2022 – 2025, ngân sách tỉnh đã bố trí 29.700 triệu đồng để thực hiện chính sách (mỗi năm bố trí từ 7.000 - 7.500 triệu đồng), cụ thể:

- Năm 2022: đã bố trí 7.500 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 5.765 triệu đồng;
- Năm 2023: đã bố trí 7.500 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 3.589 triệu đồng;
- Năm 2024: đã bố trí 7.700 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 2.504 triệu đồng;
- Năm 2025: đã bố trí 7.000 triệu đồng; hiện nay các địa phương, đơn vị đang triển khai thực hiện.

Chính sách thật sự rất cần thiết và đã phát huy được kết quả, tuy nhiên, chính sách này đã được thực hiện từ năm 2017 (theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND) và tiếp tục duy trì thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND), đến nay, cũng đã rất nhiều hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ... đã được hưởng chính sách hỗ trợ công trình tưới nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, những năm gần đây, các hộ trồng cây ăn quả tại số địa phương như Quỳnh Hợp, Con Cuông... cam bị sâu bệnh nặng, người dân chặt bỏ nhiều diện tích, không đầu tư thêm hệ thống tưới, dẫn tới tỷ lệ giải ngân nguồn vốn này tương đối thấp.

7. Chính sách hỗ trợ máy nông nghiệp

Thông qua thực hiện chính sách, nhiều hộ nông dân đã có điều kiện đầu tư mua sắm thêm các loại máy nông nghiệp như máy thu hoạch mía, máy cấy, máy phun thuốc trừ sâu không người lái... góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm bớt được áp lực về lao động nông thôn trong điều kiện ngày càng thiếu, già hóa lao động nông thôn.

Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp là nội dung quan trọng nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới ở các địa phương. Đến nay tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất nông nghiệp đạt tỷ lệ cao như: Làm đất đạt trên 97%, vận chuyển 98%, gặt lúa 98,5%...

Từ năm 2022 – 2025, ngân sách tỉnh đã bố trí 7.135 triệu đồng để thực hiện chính sách, cụ thể:

- Năm 2022: đã bố trí 3.052 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 1.415 triệu đồng;
- Năm 2023: đã bố trí 1.420 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 573 triệu đồng;
- Năm 2024: đã bố trí 1.093 triệu đồng; đã thực hiện và giải ngân 779 triệu đồng;
- Năm 2025: đã bố trí 1.570 triệu đồng; hiện nay các địa phương, đơn vị đang triển khai thực hiện.

Chính sách đã hỗ trợ cho 01 hộ dân ở Quỳ Hợp 01 máy thu hoạch mía liên hợp hiện đại, với số tiền 820 triệu đồng (năm 2022). Hiện các máy thu hoạch mía được hỗ trợ đang hoạt động tốt, góp phần giải quyết vấn đề lao động thu hoạch mía ngày càng khan hiếm. Tuy nhiên, kinh phí để mua 1 máy thu hoạch mía là rất lớn, và số lượng máy thu hoạch mía cho mỗi vùng nguyên liệu cũng không cần nhiều (máy phù hợp với địa hình bằng phẳng và diện tích lớn), nên từ năm 2022 đến nay cũng chỉ có 1 hộ dân đầu tư mua máy thu hoạch mía, còn lại chủ yếu người dân đề nghị hỗ trợ mua máy cấy, các thiết bị kèm theo và một số máy phun thuốc trừ sâu không người lái, tuy nhiên số lượng cũng chưa nhiều. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ máy cấy và các thiết bị kèm theo và máy phun thuốc trừ sâu không người lái được người dân tham gia thực hiện, tuy nhiên số lượng cũng chưa nhiều. Qua nắm bắt tình hình thực tế, hiện nay người dân có nhu cầu đề nghị thêm chính sách hỗ trợ mua máy làm đất, máy cày đa chức năng.

8. Chính sách hỗ trợ phát triển nông thôn

8.1. Thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp

Khuyến khích thành lập mới, giúp các Hợp tác xã mới thành lập giảm bớt khó khăn, có điều kiện mua sắm một số trang thiết bị làm việc ban đầu, sớm đi vào hoạt động có hiệu quả, làm tốt vai trò là cầu nối trung gian giữa nông dân và doanh nghiệp trong thực hiện hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới...

Trong giai đoạn 2022 – 2025, đã thực hiện hỗ trợ cho 73 HTX nông nghiệp thành lập mới theo quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh là 2.400 triệu đồng và kinh phí đã thực hiện hỗ trợ cho 26 HTX nông nghiệp thành lập mới theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh là 1.300 triệu đồng.

Từ năm 2022 – 2025, ngân sách tỉnh đã bố trí 7.370 triệu đồng để thực hiện chính sách, cụ thể:

- Năm 2022, tổng nguồn vốn được giao là 3.750 triệu đồng, đã thanh toán hỗ trợ cho 30 HTX là 1.420 triệu đồng (trong đó hỗ trợ cho 04 HTX thành lập năm 2022 là 120 triệu đồng và trả nợ cho 26 HTX thành lập năm 2021, 2020 là 1.300 triệu đồng).

- Năm 2023, tổng nguồn vốn được giao là 1.220 triệu đồng, đã thanh toán hỗ trợ cho 34 HTX là 1.190 triệu đồng (trong đó hỗ trợ cho 01 HTX thành lập năm 2023 là 30 triệu đồng và trả nợ cho 33 HTX thành lập năm 2022 là 1.160 triệu đồng).

- Năm 2024, tổng nguồn vốn được giao là 1.200 triệu đồng, đã thanh toán hỗ trợ cho 35 HTX là 1.090 triệu đồng (trong đó hỗ trợ cho 09 HTX thành lập năm 2024 là 290 triệu đồng và trả nợ cho 26 HTX thành lập năm 2023 là 800 triệu đồng).

- Năm 2025, tổng nguồn vốn được giao là 1.200 triệu đồng dự kiến sẽ giải ngân 1.200 triệu đồng để hỗ trợ các HTX thành lập mới năm 2024 và 2025.

Chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp thời gian qua đã nhận được sự đồng thuận cao của các HTX nông nghiệp, qua quá trình triển khai thực hiện đã cho thấy đây là chính sách rất có hiệu quả, góp phần hỗ trợ, khuyến khích các HTX phát triển trong thời gian khó khăn ban đầu, tạo được niềm tin cho các HTX vào các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; đây cũng là chính sách có sức ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực kinh tế tập thể với số lượng đối tượng được thụ hưởng chính sách là lớn nhất, từ đó có tác động nhất định đến một bộ phận dân cư nông thôn là thành viên của các HTX. Những năm qua, việc bố trí nguồn vốn để thực hiện chính sách cũng đã đáp ứng được nhu cầu của các HTX, tính đến nay thì cơ bản các HTX đã thành lập, đủ điều kiện để được hưởng chính sách đều đã được thanh toán kinh phí hỗ trợ của nhà nước đúng quy định. Số kinh phí còn dư là do các HTX thành lập mới không có nhu cầu hỗ trợ hoặc các HTX sau khi kiểm tra không đủ điều kiện để hỗ trợ.

8.2. Hỗ trợ các trang trại xây dựng công trình nước thải, ao lắng

Từ năm 2022 đến năm 2025 tổng kinh phí được giao để thực hiện chính sách là 2.900 triệu đồng, tuy nhiên diện tích đất đảm bảo đủ điều kiện để xây dựng trang trại mới trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện nay không còn nhiều; mặt khác một số địa phương rất khó khăn trong việc phê duyệt dự án và dự toán công trình xây dựng nước thải ao lắng (tại các trang trại), do vậy đến nay không có trang trại nào thực hiện được các thành phần hồ sơ, thủ tục được quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh nên không thể giải ngân kinh phí hỗ trợ.

9. Chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

9.1. Hỗ trợ chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản

a) Hỗ trợ chế biến, bảo quản:

Tổng kinh phí bố trí để thực hiện chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản từ năm 2022 – 2025 là 12.952 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Năm 2022: kinh phí bố trí 582 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 379 triệu đồng.

- Năm 2023: kinh phí bố trí 4.600 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 1.148 triệu đồng.

- Năm 2024: kinh phí bố trí 3.820 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 965 triệu đồng.

- Năm 2025: kinh phí bố trí 3.950 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

Chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao giá trị nông sản, giảm tổn thất thoát sau thu hoạch, mở rộng thị trường tiêu thụ và ổn định đầu ra cho người dân. Qua đó, chính sách góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa tập trung, gắn kết chuỗi giá trị, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản còn thấp chủ yếu do tâm lý dè dặt của người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp khi đầu tư vào chế biến, bảo quản do chi phí cao, đầu ra thị trường chưa ổn định.

b) Hỗ trợ tiền thuê gian hàng:

Chính sách hỗ trợ chi phí thuê gian hàng góp phần giảm gánh nặng chi phí, giúp nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp có kênh bán hàng ổn định, từ đó khuyến khích các hộ gia đình, HTX, doanh nghiệp đầu tư sản xuất và tiêu thụ nông sản chất lượng cao, an toàn theo chuỗi, tăng giá trị, tăng thu nhập.

Tổng kinh phí bố trí để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê gian hàng từ năm 2022 – 2025 là 4.838 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Năm 2022: kinh phí bố trí 1.276 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 576 triệu đồng.

- Năm 2023: kinh phí bố trí 1.224 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 214 triệu đồng.

- Năm 2024: kinh phí bố trí 1.266 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 969 triệu đồng.

- Năm 2025: kinh phí bố trí 1.072 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

c) Hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có sản phẩm cây ăn quả được hợp tác xã, doanh nghiệp thu mua để chế biến, xuất khẩu:

Những năm gần đây, tình hình chế biến, xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chất lượng sản phẩm chưa đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu, do vậy, chính sách ban hành nhưng đối tượng thực hiện chưa nhiều. Từ năm 2022 – 2025, ngân sách tỉnh đã bố trí 500 triệu đồng để thực hiện chính sách, đến nay đã thực hiện và giải ngân 300 triệu đồng.

d) Hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị:

Từ năm 2022 đến nay, ngân sách tỉnh đã bố trí 1.760 triệu đồng để thực hiện chính sách, tuy nhiên, có rất ít cơ sở đảm bảo các điều kiện hỗ trợ, đến nay,

chưa có đơn vị nào thực hiện chính sách này.

d) Hỗ trợ xây dựng Website thương mại điện tử:

Từ năm 2022 - 2025, kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện chính sách là 1.070 triệu đồng, kinh phí đã thực hiện và giải ngân từ năm 2022 – 2024 là 470 triệu đồng (năm 2025 bố trí 400 triệu đồng, hiện nay Sở Công thương đang triển khai thực hiện). Ngoài ra, Sở Công Thương đã thực hiện hỗ trợ cho một số cơ sở, nhưng sử dụng nguồn kinh phí khác của Sở Công Thương.

e) Hỗ trợ xây dựng gian hàng online trên sàn giao dịch điện tử:

Từ năm 2022 - 2025, kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện chính sách là 900 triệu đồng, kinh phí đã thực hiện và giải ngân từ năm 2022 – 2024 là 350 triệu đồng (năm 2025 bố trí 400 triệu đồng, hiện nay Sở Công thương đang triển khai thực hiện).

9.2. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:

a) Hỗ trợ kinh phí chứng nhận đối với các mô hình sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, GMP, HACCP, hữu cơ lần đầu

Từ năm 2022 - 2025, kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện chính sách là 8.819 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Năm 2022: là năm đầu thực hiện chính sách nên không có cơ sở sản xuất nào đảm bảo các điều kiện hỗ trợ nên chưa có địa phương nào đề nghị bổ sung kinh phí hỗ trợ.

- Năm 2023: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 3.743 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 1.394 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 2.466 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 2.137 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí 2.610 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

Chính sách hỗ trợ kinh phí chứng nhận đối với các mô hình nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, GMP, HACCP, hữu cơ lần đầu đã mang lại hiệu quả rõ rệt: giúp nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp giảm chi phí ban đầu, khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn; nâng cao chất lượng và uy tín sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường, đặc biệt là vào các hệ thống siêu thị và xuất khẩu. Chính sách đã được đông đảo người nông dân và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tham gia.

b) Chính sách hỗ trợ chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản

Từ năm 2022 - 2025, kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện chính sách là 1.634 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Năm 2022: là năm đầu thực hiện chính sách nên không có cơ sở sản xuất nào đảm bảo các điều kiện hỗ trợ nên chưa có địa phương nào đề nghị bổ sung

kinh phí hỗ trợ.

- Năm 2023: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 324,5 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 49,5 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 950 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 395 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí 350 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

Chính sách hỗ trợ chi phí tem truy xuất nguồn gốc giúp nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp giảm bớt chi phí ban đầu, khuyến khích minh bạch quy trình sản xuất. Nhờ đó, sản phẩm nông, lâm, thủy sản nâng cao uy tín, dễ dàng tiếp cận hệ thống phân phối hiện đại và thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, chi phí để sản xuất tem truy xuất nguồn gốc so với các chi phí khác là rất ít, với 1 lượng khi phí hỗ trợ vừa đủ, các hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã đã có thể in tem với số lượng lớn, do vậy, nguồn kinh phí bố trí hằng năm đã đủ đáp ứng nhu cầu cho người dân, HTX và doanh nghiệp.

10. Chính sách hỗ trợ tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn

Đây là một chính sách mới có tính chất đột phá, nhằm khuyến khích tập trung ruộng đất, tạo tiền đề đẩy nhanh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao... sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn.

Từ năm 2022 - 2025, kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí để thực hiện chính sách là 17.672 triệu đồng, kinh phí đã thực hiện và giải ngân từ năm 2022 – 2024 là 7.256 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Năm 2022: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 1.150 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 1.046 triệu đồng;

- Năm 2023: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 4.879 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 2.309 triệu đồng;

- Năm 2024: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí là 4.701 triệu đồng, đã thực hiện và giải ngân 3.901 triệu đồng;

- Năm 2025: kinh phí ngân sách tỉnh bố trí 7.242 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

Qua các năm triển khai thực hiện chính sách người dân rất đồng tình hưởng ứng và ngày càng nhận thấy vai trò quan trọng của chính sách đối với định hướng phát triển kinh tế, do vậy, số lượng đăng ký thực hiện chính sách ngày càng lớn hơn. Chính sách đã tạo điều kiện để tích tụ đất đai, hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, thuận lợi áp dụng cơ giới hóa, công nghệ cao. Nhờ đó, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với nông dân, tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh hơn trên thị trường.

III. VỀ NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Tổng hợp kinh phí đã bố trí tại quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước từ đầu năm, các quyết định phân bổ từ nguồn phân bổ sau và giao bổ sung trong năm và tình hình giải ngân như sau:

- Năm 2022:

+ Tổng dự toán ngân sách nhà nước bố trí theo quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 24/12/2021: 84.608 triệu đồng;

+ Tổng kinh phí đã cấp, đã giao bổ sung trong năm (theo các Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, số 4419/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, số 3967/QĐ-UBND ngày 15/12/2022): 66.237 triệu đồng;

+ Kinh phí đã thực hiện, giải ngân và quyết toán: 45.888 triệu đồng;

- Năm 2023:

+ Tổng dự toán ngân sách nhà nước bố trí theo quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 21/12/2022: 98.892 triệu đồng;

+ Tổng kinh phí đã cấp, đã giao bổ sung trong năm (theo các Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, số 3737/QĐ-UBND ngày 16/11/2023, số 3968/QĐ-UBND ngày 01/12/2023): 79.860 triệu đồng;

+ Kinh phí đã thực hiện, giải ngân và quyết toán: 46.812 triệu đồng;

- Năm 2024:

+ Tổng dự toán ngân sách nhà nước bố trí theo quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 15/12/2023: 81.470 triệu đồng;

+ Tổng kinh phí đã cấp, đã giao bổ sung trong năm (theo các Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 15/12/2023, số 2946/QĐ-UBND ngày 01/11/2024): 82.374 triệu đồng;

+ Kinh phí đã thực hiện, giải ngân và quyết toán: 60.181 triệu đồng;

- Năm 2025: Tổng dự toán ngân sách nhà nước bố trí theo quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 16/12/2024: 86.510 triệu đồng;

(Có Biểu tổng hợp kinh phí kèm theo).

Qua 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND cho thấy, nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND đã cơ bản được UBND tỉnh bố trí đầy đủ các năm, mỗi năm đều có đợt cấp bổ sung để thực hiện chính sách theo thực tế tại các đơn vị địa phương. Tuy nhiên, việc bố trí kinh phí từ đầu năm theo kế hoạch đăng ký chưa thực sự cân đối và sát đúng với thực tế triển khai một số nội dung chính sách tại địa phương, đơn vị, do đó còn xảy ra tình trạng thừa, thiếu cục bộ khi thực hiện chính sách, dẫn đến hiệu quả giải ngân chưa cao.

IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Một số tồn tại

Việc thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, tuy đạt nhiều kết quả như đã nêu ở trên, nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc như sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến mọi người dân một số địa phương còn hạn chế, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách (hàng năm) được xây dựng trên cơ sở kế hoạch sản xuất (theo đề nghị của các địa phương, đơn vị). Tuy nhiên, chưa cân đối đảm bảo nhu cầu thực tế của một số nội dung chính sách như: tưới cho cây công nghiệp và cây ăn quả, chế phẩm vi sinh để sản xuất phân bón hữu cơ..

- Việc tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán nhiều địa phương làm chưa kịp thời.

- Một số vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách nông nghiệp, nông thôn do có sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của công tác quản lý, hồ sơ thủ tục thanh quyết toán... nhưng việc tham mưu cho các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời cho người dân gặp khăn.

2. Nguyên nhân chủ yếu

- Do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 năm 2022, ảnh hưởng của bất ổn chính trị ở các quốc gia dẫn đến giá cả và thị trường tiêu thụ nhiều biến động, không ổn định, dẫn tới ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản, sản xuất gặp nhiều khó khăn..., nên một số chính sách khó triển khai.

- Trình độ của một số cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ cấp xã, xóm bản còn hạn chế. Mặt khác, kinh phí quản lý chỉ đạo cho số cán bộ này rất thấp nên việc tổ chức nghiệm thu cơ sở thực hiện chính sách còn nhiều bất cập.

- Một bộ phận nông dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ ỷ lại chưa thực sự quan tâm đầu tư thâm canh tăng năng suất, đưa các tiến bộ KHKT vào sản xuất.

- Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, một số nội dung như: điều kiện hỗ trợ (các quy trình, quy phạm kỹ thuật...), hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện chính sách (công tác nghiệm thu, thủ tục thanh quyết toán...) quy định phải đưa vào Nghị quyết, trong khi thực tiễn sản xuất, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác quản lý... luôn có sự thay đổi nhanh chóng. Vì vậy, khi phát sinh những vấn đề mới, khó khăn, vướng mắc, có khi chỉ là những vấn đề đơn giản, nhưng rất khó để khắc phục kịp thời, do vướng các quy định về quy trình, thẩm quyền giải quyết (việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung các nội dung, quy định... của Nghị quyết phải qua HĐND tỉnh, với những quy trình hết sức rườm rà, phức tạp, mất nhiều thời gian).

Từ ngày 01/7/2025, thực hiện vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chấm dứt hoạt động cấp huyện, trong khi đó hầu hết các quy trình, thủ tục quy định để thực hiện và giải ngân nguồn kinh phí thực hiện chính sách đều do cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện. Do vậy, việc thực hiện chính sách đang gặp khó khăn vướng mắc do đã chấm dứt hoạt động cấp huyện. Việc sửa đổi Nghị quyết của HĐND tỉnh với quy trình phức tạp, mất nhiều thời gian.

V. Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế xã hội

Sau gần 4 năm thực hiện, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh đã có nhiều tác động tích cực trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với Xây dựng nông thôn mới của tỉnh: Góp phần thúc đẩy, khuyến khích sản xuất phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đưa nhanh tiến bộ KHKT, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, giá trị nông, lâm, thủy sản, nâng cao thu nhập cho nông dân; góp phần xây dựng nông thôn mới...

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất, nông, lâm, ngư nghiệp ước đạt 4,5-5%, sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt trên 1,2 triệu tấn/năm; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt trên 285 nghìn tấn; sản lượng gỗ khai thác ước đạt trên 1,7 triệu m³; độ che phủ của rừng duy trì ổn định 58-59%, tổng sản lượng thủy sản tăng mạnh ước đạt trên 275 nghìn tấn; tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (theo TC 4826/QĐ-BNN) đạt 90%,...

Thông qua thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghệ An đã xây dựng được nhiều vùng nguyên liệu tập trung, gắn với chế biến xuất khẩu, tăng giá trị nông sản, tạo sự phát triển bền vững trong nông nghiệp, nông thôn và thủy sản như: Vùng nguyên liệu chè ở các huyện Thanh Chương, Anh Sơn, Kỳ Sơn, vùng nguyên liệu mía ở Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu..., nguyên liệu thủy sản (tôm) xuất khẩu ở các huyện ven biển,...

Các chính sách đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp chuyển nhanh sang nông nghiệp hàng hóa, tập trung quy mô lớn; ứng dụng công nghệ cao... tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có thị trường tiêu thụ tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã giúp người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới giảm bớt khó khăn, tạo thêm việc làm, có điều kiện để đầu tư phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

Đối tượng thụ hưởng chính sách chủ yếu là hộ gia đình, trong đó vai trò của người phụ nữ đặc biệt quan trọng. Các chính sách đã góp phần đảm bảo thực hiện bình đẳng giới, giúp người phụ nữ có điều kiện hơn trong sản xuất kinh doanh đảm bảo cuộc sống gia đình.

VI. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua 4 năm triển khai thực hiện, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nhiều tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và sản xuất nông nghiệp, nông thôn nói riêng như đã nêu ở trên. Chính sách có ý nghĩa rất quan trọng, đóng vai trò đòn bẩy trong khuyến khích, hỗ trợ sản xuất và phát triển nông thôn, thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Do vậy, việc tiếp tục duy trì, xây dựng chính sách để phù hợp với tình hình thực tiễn là rất cần thiết. Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh, HĐND tỉnh tiếp tục ban hành chính sách cho giai đoạn tiếp theo, đồng thời bố trí kinh phí đảm bảo, cân đối, phù hợp với nhu cầu thực tế của các nội dung chính sách theo đề nghị của các địa phương, đơn vị.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Phó Giám đốc Sở (đ/b);
- Lưu VT, KHTC (Hàng).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Nhung